

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2020

*V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Mạnh Tăng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lại Đức Lợi

Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Đỗ Thị Thái – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Phạm Tiến M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đức Long, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Xuân H, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đức Long, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; Hiện cư trú tại: 3-56 OKUJO, thành phố Tokoname, tỉnh Aichi, Nhật Bản.

(Anh M và chị H đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn anh Phạm Tiến M trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Xuân H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái

Bình. Thời kỳ đầu hôn nhân vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, sau đó do kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh bàn bạc để chị H đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Thời gian mới đi lao động, chị H vẫn gọi điện về nhà để quan tâm, hỏi han anh và các con nhưng sau đó chị H gọi điện ít dần và không quan tâm, hỏi han bố con anh M nữa. Anh M có nghe được thông tin là chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh M gọi điện khuyên răn và muốn chị H về Việt Nam để vợ chồng cùng nhau chăm sóc con cái nhưng chị H không đồng ý và không liên lạc với anh M nữa. Anh M xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa nên anh M làm đơn xin Tòa án cho anh M được ly hôn chị H.

2. Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Phạm Tuấn Anh và Phạm Thế Anh đều sinh ngày 19/6/2013. Hiện cả hai con chung đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu phát triển tốt. Chị H đang đi lao động tại nước ngoài, không thể trực tiếp nuôi con chung nên anh M đề nghị Tòa án cho anh được nuôi cả hai con chung. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh M và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn chị Nguyễn Xuân H gửi văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện như sau:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H trình bày về điều kiện, hoàn cảnh và thời gian đăng ký kết hôn như anh M đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó, do kinh tế khó khăn, nên chị H đi lao động tại Nhật Bản. Thời gian mới đi lao động tại Nhật Bản chị vẫn gọi điện về hỏi han, quan tâm bố con anh M nhưng do quan điểm, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng kéo dài nên vợ chồng chị ít liên lạc dần và đến nay hầu như không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh M làm đơn xin ly hôn chị, chị xác định không còn tình cảm, không muốn duy trì quan hệ hôn nhân với anh M nên chị đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Phạm Tuấn Anh và Phạm Thế Anh đều sinh ngày 19/6/2013. Hiện cả hai con chung đang do anh M

trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị H đang lao động tại nước ngoài, không thể trực tiếp nuôi con chung nên chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Tiến M và chị Nguyễn Xuân H đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tiến M và chị Nguyễn Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 07/01/2013 tại UBND xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, dẫn đến năm 2015 chị H phải đi lao động xuất khẩu tại Nhật Bản. Trong thời gian chị H đi lao động tại Nhật Bản, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do anh M nghi ngờ chị H có quan hệ ngoại tình, anh M yêu cầu chị H về nước để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con nhưng chị H không đồng ý. Từ đó vợ chồng không liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau và kinh tế riêng biệt. Cả hai không tìm được giải pháp nào để trở lại đoàn tụ và đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh M ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh M và chị H có hai con chung là Phạm Tuấn Anh và Phạm Thế Anh đều sinh ngày 19/6/2013. HĐXX xét thấy, cả anh M và chị H đều đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai cháu Phạm Tuấn Anh và Phạm Thế Anh cũng có đơn đề nghị được sống cùng bố khi bố mẹ ly hôn. Hiện cả hai con chung đang do anh M nuôi dưỡng, các cháu sinh sống ổn định và phát triển tốt. Vì vậy, cần giao cả hai con chung cho anh M nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh M và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị H đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh M nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Tiến M được ly hôn chị Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Tuấn Anh và Phạm Thế Anh đều sinh ngày 19/6/2013 cho anh Phạm Tiến M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Xuân H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Tiến M tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng anh M đã nộp tại biên lai số 0009274 ngày 08/5/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Anh Phạm Tiến M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, chị Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND x. Duy Nhất, h. Vũ Thư, t. Thái Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Mạnh Tăng**